TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐỐP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: **09**/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 10 - 7 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Cao Khải**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị Quýt**
Bà **Điểu Thị Hương**
Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Hơn**- Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Dạ Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2016/TLST - HNGĐ ngày 27/12/2016 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **A**, Sinh năm 1987
Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, huyện L, Bình Phước.
2. Bị đơn: Chị **B**, Sinh năm 1988
Hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã F, huyện H, Bình Phước.
Hiện trú tại: Ngõ X, phố K, quận F, Tp. Hà Nội.
Anh A có mặt, chị B có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 13/6/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2016 cùng bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn A trình bày:*

+ Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, anh A và chị B đã tự nguyện kết hôn vào ngày 26/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, anh A và chị B chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cãi nhau. Vào tháng 4 năm 2014 chị B đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Đắk Lắk sinh sống đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Vì vậy anh A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh A và chị B có 01 con chung tên C, sinh ngày 04/11/2013. Khi chị B bỏ đi thì cháu C sống với anh tại Ấp M, xã N, huyện L, tỉnh Bình Phước từ đó đến nay. Khi Tòa án cho ly hôn, anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị B tại Bản tự khai ngày 13/6/2017, trình bày:*

+ *Về hôn nhân:* Thời gian kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân đúng như anh A đã trình bày. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn được như trước, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, trước yêu cầu ly hôn của anh A, chị B đồng ý.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị B thống nhất với lời trình bày của anh A, trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên C - Sinh ngày 04/11/2013. Do con còn nhỏ, chị B đang học ở Hà nội nên khi ly hôn chị B đồng ý giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung thanh niên (đủ 18 tuổi), chị B không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có vi phạm.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *+ Về tố tụng:* Chị B có đơn xin giải quyết vắng mặt (Đơn đề ngày 13/6/2017), căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

[2] *- Về hôn nhân:* Anh A và chị B đã tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bình Phước, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2012 vào ngày 26/11/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh A, chị B có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Hiện cả hai đã sống ly thân nhau trong thời gian dài (theo anh A ly thân từ tháng 4/2014, theo chị B ly thân từ tháng năm 2015), không ai còn quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của anh A và chị B là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; anh A xin ly hôn và chị B cũng đồng ý ly hôn (Theo trình bày tại bản tự khai gửi cho Tòa án qua đường bưu điện) nên yêu cầu xin ly hôn của anh A là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] *- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Anh A và chị B có một con chung tên C, sinh ngày 04/11/2013. Khi ly hôn anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi anh A, chị B sống ly thân, cháu C đã do anh A trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến nay và chị B cũng đồng ý giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại chị B đang học tại trường Đại học Luật Hà Nội nên chưa có điều kiện chăm sóc. Để đảm bảo cho cháu C phát triển bình thường, ổn định trên cơ sở nguyện vọng của anh A, chị B cần phải giao cháu C cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Anh A không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị B không có ý kiến gì về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *- Về tài sản chung, nợ chung:* Anh A và chị B trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Các điều Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh A.

- *Về hôn nhân:* Cho anh A được ly hôn chị B.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Giao cháu C, sinh ngày 04/11/2013 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên anh A phải chịu số tiền **200.000** (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng anh A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015917 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Anh A đã thi hành xong phần án phí, chị B không phải chịu án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- *TA,VKS tỉnh Bình Phước;*
- *VKS, Chi cục THA Bù Đốp;*
- *UBND xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, TA.*

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Cao Khải